

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 5 - 2018.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Tiến

2. Bà Lê Thị Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Văn D, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 3 năm 2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Ngô Văn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tìm hiểu nhau thời gian 03 năm thì anh chị tiến tới hôn nhân vào năm 1995, nhưng đến năm 2013 thì anh và chị T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10 năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị T không tôn trọng anh trong cuộc sống gia đình, thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm đến anh, nên anh và chị T đã ly thân từ tháng 11 năm 2016 đến

nay. Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị T chúng tôi có 03 con chung tên Ngô Thành L, sinh năm 1991, Ngô Mộng T, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Ngô Thành H, sinh ngày 20/3/2001. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con tên Ngô Thành H cho chị T tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại lời trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị T: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Ngô Văn D về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D có người phụ nữ khác, chị và anh D đã xa nhau từ 11 năm 2016 đến nay. Tại phiên tòa anh D xin ly hôn, chị không đồng ý. Chị còn thương chồng con, nên chị không muốn vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung tên Ngô Thành L, sinh năm 1991, Ngô Mộng T, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Ngô Thành H, sinh ngày 20/3/2001. Con chung Ngô Thành H hiện nay đang sống với chị. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng các bên không hàn gắn, đoàn tụ được thỏa thuận được với nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xác định rằng qua quá trình thụ lý giải quyết vụ án cấp sơ thẩm tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: tại phiên tòa anh Ngô Văn D xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T, Chị T không đồng ý ly hôn, nhưng chị T không đưa ra được phương hướng đoàn tụ, chị chỉ đồng ý cho anh D có người phụ nữ khác, chị chờ anh D quay về để đoàn tụ. Điều đó vi phạm với qui định chế độ một vợ một chồng của pháp luật Việt Nam nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con tên Ngô Thành H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Ngô Văn D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị T chung sống với nhau từ năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Lập Thượng vào năm 2013 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trước tòa anh D xin ly hôn với chị T; cho rằng cuộc sống anh chị không phù hợp, vợ chồng thường xuyên gây gổ, chị T không tôn trọng anh và gia đình anh, không quan tâm cuộc sống của anh dù anh đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng, anh không thể chung sống với chị T, anh và chị T ly thân từ tháng 11 năm 2016 đến nay. Đối với chị Nguyễn Thị T, chị T không đồng ý ly hôn, chị cho rằng anh D đã quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đồng thời tại phiên tòa chị T khẳng định anh D không lo làm ăn, cuộc sống kinh tế gia đình chỉ một mình chị lo liệu, nếu anh D đồng ý giao toàn bộ tài sản cho chị và các con thì chị đồng ý ly hôn, mặc khác từ khi ly thân đến nay chị T cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ, anh D cũng không quay về sống chung với chị T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị T không thể hàn gắn, đoàn tụ, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Anh D và chị T có 03 con chung tên Ngô Thành L, sinh năm 1991, Ngô Mộng T, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Ngô Thành H, sinh ngày 20/3/2001. Từ khi ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D đồng ý giao con tên Ngô Thành H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Thấy rằng, từ khi anh chị xa nhau đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Hơn nữa, tại bản tự khai, cháu H cũng có nguyện vọng sống với chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh D, chị T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Anh D, chị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn D đối với chị Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Ngô Thành H, sinh ngày 20/3/2001 (chị T đang nuôi). Đối với Ngô Thành L, sinh năm 1991, Ngô Mộng T, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) Anh Ngô Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Anh Ngô Văn D chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002328 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Anh D không phải nộp tiếp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bên đương sự được quyền kháng cáo, để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND xã L;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Bình An